

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu biến đổi chậm theo triều, khu vực nội đồng mực nước lên nhanh do ảnh hưởng mưa lớn nội vùng.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước ít biến đổi. Mực nước cao nhất ngày 31/5 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 20-35cm, cao hơn TBNN từ 05-25cm và cao hơn TBNN từ 5-25cm. Mực nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 15-50cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên chậm theo triều, mực nước cao nhất ngày 31/5 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 15-20cm và cao hơn TBNN từ 20-35cm. Mực nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-20cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch lên nhanh do ảnh hưởng mưa lớn nội vùng, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 31/5 đều thấp hơn xấp xỉ cùng kỳ năm 2025 từ 05-25cm và cao hơn TBNN từ 10-45cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 31/5 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 72cm, xuống 03cm so với đỉnh triều ngày hôm

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh lên chậm và đạt đỉnh triều trong 1-2 ngày đầu, sau đó xuống chậm.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Đỉnh triều cao nhất ngày còn tiếp tục tăng chậm trong 1-2 ngày tới, sau đó biến đổi với xu thế xuống chậm.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước trên các sông, kênh, rạch tiếp tục lên chậm trong 2-3 ngày đầu do ảnh hưởng mưa lớn và thủy triều sông Hậu, những ngày tiếp theo xuống chậm.

- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô biến đổi với xu thế giảm chậm trong 5 ngày tới.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Khả năng xuất hiện xâm nhập mặn trên khu vực cửa sông Cái Lớn-Cái Bé vào thời điểm triều cường.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ có khả năng ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động sản xuất người dân.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 02/6/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phan Minh Đạt

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	31/5		30/05						01/6	02/6	03/6	04/6	05/6
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	120	1	▲	-25	▼	12	▲	123	125	124	122	118
					Hmin	-27	-2	▼	-28	▼	-36	▼	-29	-31	-34	-37	-38
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	126	0	◀▶	-21	▼	24	▲	128	130	128	125	121
					Hmin	-41	-1	▼	-22	▼	-11	▼	-44	-47	-51	-54	-55
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	118	-1	▼	-35	▼	8	▲	120	121	122	122	124
					Hmin	25	0	◀▶	-50	▼	-15	▼	22	21	21	22	23
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	135	-1	▼	-23	▼	25	▲	138	140	142	145	148
					Hmin	-28	0	◀▶	-29	▼	-24	▼	-30	-32	-35	-38	-39
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	136	5	▲	-18	▼	33	▲	138	141	139	136	131
					Hmin	-40	0	◀▶	-13	▼	7	▲	-43	-46	-50	-53	-54
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	129	0	◀▶	-18	▼	23	▲	130	132	130	127	123
					Hmin	-38	0	◀▶	-19	▼	-17	▼	-41	-44	-48	-51	-52
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	54	13	▲	-23	▼	17	▲	58	60	61	59	56
					Hmin	20	6	▲	-23	▼	8	▲	28	32	33	31	28
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	54	13	▲	-9	▼	24	▲	56	57	57	55	52
					Hmin	35	5	▲	-13	▼	11	▲	39	42	43	41	38
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	61	11	▲	-7	▼	15	▲	65	67	67	65	62
					Hmin	48	8	▲	-6	▼	12	▲	52	55	56	54	51
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	56	10	▲	-12	▼	12	▲	60	62	62	60	57
					Hmin	42	4	▲	-13	▼	8	▲	46	49	50	48	45
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	64	10	▲	-10	▼	17	▲	68	70	70	68	65
					Hmin	54	8	▲	-7	▼	17	▲	58	61	62	60	57
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	61	4	▲	-17	▼	22	▲	65	67	68	66	64
					Hmin	26	4	▲	-18	▼	11	▲	34	35	36	35	33
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	83	10	▲	-7	▼	44	▲	82	83	84	85	84
					Hmin	57	3	▲	-13	▼	30	▲	58	59	60	59	57
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	70	10	▲	-9	▼	20	▲	74	76	76	74	71
					Hmin	55	6	▲	-11	▼	19	▲	59	62	62	61	59
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	73	14	▲	13	▲	50	▲	75	76	75	73	70
					Hmin	50	4	▲	8	▲	36	▲	54	57	57	56	54
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	97	7	▲	-8	▼	43	▲	99	101	102	100	96
					Hmin	72	2	▲	-11	▼	37	▲	77	79	80	78	75
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	109	7	▲	-15	▼	38	▲	112	114	115	113	109
					Hmin	57	1	▲	-24	▼	20	▲	62	64	65	64	61
Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	85	6	▲	-11	▼	26	▲	88	90	91	89	85
					Hmin	54	1	▲	-19	▼	16	▲	59	61	62	61	58
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	73	6	▲	-10	▼	16	▲	75	77	78	76	72
					Hmin	52	-1	▼	-16	▼	12	▲	55	57	58	56	52
Cái Sắn	Tân	90	120	150	Hmax	50	0	◀▶	-16	▼	13	▲	52	54	55	53	49

Cái Sơn	Hiệp	90	120	150	Hmin	39	1	▲	-15	▼	22	▲	42	44	45	43	39
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	37	1	▲	-10	▼	7	▲	39	42	38	31	30
					Hmin	10	-2	▼	-5	▼	36	▲	12	15	9	6	8
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	72	-3	▼	7	▲	38	▲	71	69	67	63	56
					Hmin	-35	-4	▼	-3	▼	1	▲	-37	-39	-37	-36	-31

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





